TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. RẠCH GIÁ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH KIÊN GIANG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **68**/2018/DS-ST
Ngày: 30/11/2018
V/v "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ – KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Sô Phép

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hữu Trường

2. Bà Chung Kim Sang

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 182/2018/TLST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2018, về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2018/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1.<u>Nguyên đơn</u>: Ngân hàng N

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K, chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Địa chỉ: số 02 H, phường C, quận Đ, Tp. Hà Nội.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Đỗ Quang T, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N – chi nhánh thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ: C11-38, 39 đường 3, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Người được uỷ quyền: Ông Chiêm Văn G, chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch số 02 trực thuộc chi nhánh thành phố G, tỉnh Kiên Giang, theo giấy ủy quyền số 11/2018/NHNoTPRG-UQ ngày 20/8/2018 *(có mặt)*.

Địa chỉ: số nhà 168 S, V, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

2. <u>Bị đơn</u>: Bà Đỗ Thị T1, sinh năm 1959 *(đã chết năm 2010);*

Ông Nguyễn Tấn N, sinh năm 1959 *(vắng mặt)*;

Cùng địa chỉ: Số 89/11 đường A, phường L, Tp. G, Kiên Giang.

<u>Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà T1</u>:

- Chị Nguyễn Thị Tú A, sinh năm 1988 *(vắng mặt)*;
- Anh Nguyễn Thành N1, sinh năm 1994 *(vắng mặt)*;

Cùng địa chỉ: Số 89/11 đường A, phường L, Tp. G, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/4/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Chiêm Văn G trình bày: Vào ngày 15 tháng 10 năm 2007 bà Đỗ Thị T1 (đã chết năm 2010) và ông Nguyễn Tấn N có vay vốn của Ngân hàng N số tiền 45.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 6/3848T/HĐTD, thời hạn cho vay 36

tháng, hạn trả theo định kỳ 12 tháng một lần, lãi suất vay trong hạn 13,2%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150%/năm lãi suất trong hạn, mục đích vay vốn để sửa nhà, nuôi cá. Tài sản bảo đảm nợ vay là quyền sử dụng đất tọa tại số 89/11 đường A, phường L, thành phố G, tỉnh Kiên Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số AC 369026, thửa đất số 167, tờ bản đồ số 27, diện tích 135,40 m^2 do Ủy ban nhân dân thành phố G cấp ngày 10/7/2016 do ông Nguyễn Tấn N và bà Đỗ Thị T1 đứng tên.

Trong quá trình vay vốn bà T1, ông N trả tiền lãi vào ngày 19/6/2008; đến ngày 10/8/2010 ông N đã trả được 2.000.000 đồng tiền gốc, là do gia đình quá khó khăn nên Ngân hàng thu tiền gốc để giảm lãi cho khách hàng; từ đó đến nay ông N, bà T1 ngưng trả nợ cho Ngân hàng. Như vậy bà T1, ông N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà T1, ông N thanh toán nợ cho Ngân hàng nhưng cho đến thời điểm hôm nay vẫn chưa thanh toán. Tính đến ngày 30/11/2018 bà T1, ông N còn nợ lại Ngân hàng số tiền gốc 43.000.000 đồng. Đối với phần lãi suất đến thời điểm xét xử ngày 30/11/2018 thì Ngân hàng yêu cầu tính lãi suất trong hạn trên nợ gốc là 60.754.833 đồng và lãi suất phạt quá hạn trên nợ gốc là 25.478.933 đồng.

Nay ông G đại diện theo uỷ quyền yêu cầu Toà án buộc ông Nguyễn Tấn N, chị Nguyễn Thị Tú A, anh Nguyễn Thành N1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng số tiền gốc 43.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 60.754.833 đồng, lãi suất phạt quá hạn 25.478.933 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 129.233.767 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 01/12/2018 theo mức lãi suất thỏa thuận trên hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán dứt nợ. Nếu ông Nguyễn Tấn N, chị Nguyễn Thị Tú A, anh Nguyễn Thành N1 không trả được nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

* Bị đơn ông Nguyễn Tấn N: Không có ý kiến bằng văn bản theo thông báo thụ lý vụ án hợp lệ của Tòa án và cũng không có mặt theo thông báo hòa giải, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án. Tại phiên tòa ông Ng vắng mặt.

* Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Đỗ Thị T1 là chị Nguyễn Thị Tú A, anh Nguyễn Thành N1: Không có ý kiến bằng văn bản theo thông báo thụ lý vụ án hợp lệ của Tòa án và cũng không có mặt theo thông báo hòa giải, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án. Tại phiên tòa chị Tú A, anh N1 vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Tấn N, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Đỗ Thị T1 là chị Nguyễn Thị Tú A, anh Nguyễn Thành N1 đã được Toà án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt những đương sự nêu trên. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều

227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Tấn N, chị Nguyễn Thị Tú A, anh Nguyễn Thành N1.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, đến năm 2010 bà Đỗ Thị T1 chết nên Ngân hàng làm đơn khởi kiện xác định con ruột của bà T1 là chị Nguyễn Thị Tú A, anh Nguyễn Thanh N1 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà T1 là phù hợp theo quy định tại Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo nội dung và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nhưng phía bị đơn là ông Nguyễn Tấn N và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Tới là chị Nguyễn Thị Tú A, anh Nguyễn Thành N1 vẫn không có ý kiến đối với các yêu cầu của nguyên đơn cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, được quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Tấn N, chị Nguyễn Thị Tú A, anh Nguyễn Thành N1 có địa chỉ tại số 89/11 đường A, phường L, Tp. G, Kiên Giang phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

[3] Về áp dụng pháp luật: Ngân hàng N và ông Nguyễn Tấn N, bà Đỗ Thị T1 ký kết hợp đồng tín dụng số 6/3848T/HĐTD ngày 15/10/2007, như vậy hợp đồng tín dụng đã được hai bên giao kết thực hiện hợp đồng trước ngày 01/01/2017. Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định và các Điều luật của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[4] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy giữa Ngân hàng N và ông Nguyễn Tấn N, bà Đỗ Thị T1 đã phát sinh giao dịch tín dụng thông qua hợp đồng tín dụng số 6/3848T/HĐTD ngày 15/10/2007, theo đó Ngân hàng cho Nguyễn Tấn N, bà Đỗ Thị T1 vay số tiền 45.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, hạn trả theo định kỳ 12 tháng một lần, lãi suất vay trong hạn 13,2%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150%/năm lãi suất trong hạn, mục đích vay sữa nhà + nuôi cá. Quá trình thực hiện hợp đồng ông N, bà T1 đã trả được 2.000.000 đồng tiền gốc và hiện nay còn nợ tiền gốc 43.000.000 đồng. Phía ông N cũng đã có cam kết trả nợ cho Ngân hàng rất nhiều lần nhưng không thực hiện, như vậy ông N, bà T1 đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do bà T1 đã chết nên Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Tấn N và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà T1 là chị Nguyễn Thị Tú A, anh Nguyễn Thành N phải có nghĩa vụ liên đới trả số nợ gốc 43.000.000 đồng, lãi trong hạn 60.754.833 đồng, lãi quá hạn 25.478.933 đồng, tổng cộng 129.233.767 đồng. Căn cứ vào Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về vay tài sản và nghĩa vụ trả nợ của bên vay và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định về việc thỏa thuận lãi suất trong hoạt động kinh doanh tín dụng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ngân hàng là có căn cứ phù hợp pháp luật.

Xét hợp đồng tín dụng số 6/3848T/HĐTD ngày 15/10/2007 giữa Ngân hàng N với ông Nguyễn Tấn N, bà Đỗ Thị T1 được lập thành văn bản và ký kết với nhau là tự nguyện, tuân thủ các quy định của pháp luật khi giao kết nên hợp đồng

là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng. Hợp đồng tín dụng nêu trên được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp số 6/3848T/HĐTC ngày 15/10/2007, được quy định tại Điều 342, 343, 715 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng đối với tài sản đảm bảo hợp đồng vay, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng thế chấp số 6/3848T/HĐTC ngày 15/10/2007 thực hiện đúng quy định và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Phòng tài nguyên môi trường thành phố G ngày 18/10/2007. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 302 Bộ luật dân sự năm 2005 và được hướng dẫn tại Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm thì yêu cầu này của Ngân hàng là có cơ sở để chấp nhận. Sau khi án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Nguyễn Tấn N, chị Nguyễn Thị Tú A, anh Nguyễn Thanh N1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 6/3848T/HĐTC ngày 15/10/2007 để thu hồi nợ.

Từ những phân tích nêu trên, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Tấn N, chị Nguyễn Thị Tú A, anh Nguyễn Thanh N1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N số tiền vay gốc, lãi tính đến thời điểm ngày 30/11/2018 là 129.233.767 đồng (trong đó nợ gốc 43.000.000 đồng, lãi trong hạn 60.754.833 đồng, lãi quá hạn 25.478.933 đồng) và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 01/12/2018 cho đến khi thanh toán hết nợ.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội. Bị đơn ông Nguyễn Tấn N, chị Nguyễn Thị Tú A, anh Nguyễn Thành N1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch đối với số tiền 129.233.767 đồng x 5% = 6.461.688 đồng.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.090.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 74; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 342, Điều 343, khoản 7 Điều 351, Điều 355, Điều 302, Điều 471, 474, 715, 721 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

<u>Tuyên xử</u>:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với bị đơn ông Nguyễn Tấn N, người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn bà Đỗ Thị T1 là chị Nguyễn Thị Tú A, anh Nguyễn Thành N1.

Buộc ông Nguyễn Tấn N, chị Nguyễn Thị Tú A, anh Nguyễn Thanh N1 phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng N số tiền vốn lãi của hợp đồng tín dụng số 6/3848T/HĐTD ngày 15/10/2007 tính đến ngày 30/11/2018 là 129.233.767 đồng *(Một trăm hai mươi chín triệu hai trăm ba mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng)*.

Ngoài ra, ông N, chị Tú A, anh N1 còn phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 6/3848T/HĐTD ngày 15/10/2007 kể từ ngày 01/12/2018 cho đến khi tất toán xong nợ vay cho Ngân hàng.

Hai bên trực tiếp giao nhận tiền hoặc giao nhận tại Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật nếu ông Nguyễn Tấn N, chị Nguyễn Thị Tú A, anh Nguyễn Thành N1 không thanh toán được nợ, thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất ở tại đô thị, diện tích 135,40 m^2, tọa lạc tại 89/11 đường A, khu phố 3, phường L, Tp. G, Kiên Giang, thửa đất số 167, tờ bản đồ số 27 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 369026 do Ủy ban nhân dân Tp. G cấp ngày 10/7/2006, đứng tên ông Nguyễn Tấn N, bà Đỗ Thị T1.

Tài sản thế chấp nêu trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Phòng tài nguyên môi trường thành phố G ngày 18/10/2007.

Trường hợp bị đơn đã tất toán xong số tiền nợ cho nguyên đơn trước khi phát mãi tài sản thi hành án thì nguyên đơn phải có nghĩa vụ trả lại cho bị đơn, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng 01 (một) bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 369026 do Ủy ban nhân dân Tp. G cấp ngày 10/7/2006, đứng tên ông Nguyễn Tấn N, bà Đỗ Thị T1.

Về án phí: Ông Nguyễn Tấn N, chị Nguyễn Thị Tú A, anh Nguyễn Thành N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 6.461.688 đồng *(Sáu triệu bốn trăm sáu mươi mốt nghìn sáu trăm tám mươi tám đồng)*.

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.090.000 đồng *(Ba triệu không trăm chín mươi nghìn đồng)*, theo biên lai thu số 0004983 ngày 10/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Nguyễn Tấn N, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Đỗ Thị T1 là chị Nguyễn Thị Tú A, anh Nguyễn Thành N1 vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

THẠCH SÔ PHÉP

* **Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Rạch Giá;
- Cơ quan THA Dân sự TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.